

Số: 2653/LĐTBXH-KHTC

V/v: Xây dựng Kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động,
người có công và xã hội năm 2020

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị tập trung xây dựng kế hoạch phát triển các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2020 theo các mục tiêu, yêu cầu và nội dung cụ thể như sau:

I. VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2019 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; so sánh với cùng kỳ năm 2018 và kế hoạch cả năm 2019. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 98/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2019 của Bộ ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2019 và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ ban hành từ đầu năm 2019 đến nay.

2. Yêu cầu việc đánh giá phải sát thực, đúng thực chất kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong phạm vi cả nước theo lĩnh vực do đơn vị phụ trách; làm nổi bật những kết quả đã đạt được; đồng thời, chỉ ra được những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm; Dự kiến mức độ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019; nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm cần tập trung thực hiện để hoàn thành kế hoạch cả năm.

3. Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019, dự báo xu hướng phát triển, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển của các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành đề xác định các giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực có thể xảy ra.

4. Cùng với thuyết minh đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2019, yêu cầu các đơn vị tổng hợp đầy đủ số liệu thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách vào Biểu mẫu kèm theo công văn này¹.

II. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2020

¹ Chi tiết xem tại Cổng thông tin điện tử của Bộ (mục Văn bản chỉ đạo điều hành).

1. Yêu cầu trong xây dựng kế hoạch năm 2020

Các đơn vị căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 tính đến nay để xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020; trong đó, bám sát định hướng theo Chỉ thị số 16/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ; mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1015/QĐ-LĐTBXH ngày 29/7/2016 của Bộ, để xác định mục tiêu chung, các chỉ tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực. Việc xây dựng Kế hoạch năm 2020 các lĩnh vực của ngành phải đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và các Chương trình hành động của Chính phủ, kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội và các Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Khóa XII. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

Việc xây dựng Kế hoạch năm 2020 các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải được triển khai đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các ngành, các cấp; bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách; đảm bảo tiến độ, thời gian và biểu mẫu quy định. Phân đầu với quyết tâm cao nhất hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 2016 – 2020.

Các đơn vị được Bộ giao chủ trì các dự án, hoạt động, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu trình Bộ có văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương lập kế hoạch năm 2020; tổng hợp, đề xuất nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu năm 2020, trong đó dự kiến vốn theo cơ cấu nguồn vốn, theo từng dự án thành phần thuộc chương trình và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

2. Định hướng nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2020

2.1. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTG

Tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng lực nội tại và tính tự chủ của nền kinh tế. Thực hiện hiệu quả, thực chất hơn các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thể chế và khơi thông nguồn lực; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; quyết liệt thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; đổi mới đồng bộ giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; phát triển bút phá thị trường trong nước; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm và các đô thị lớn; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, phấn đầu năm 2020 đạt tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,8%. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020. Tăng

cường công tác thông tin truyền thông hiệu quả, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy khát vọng, tự hào dân tộc và tinh thần đổi mới, sáng tạo, năng động, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tạo động lực mới cho phát triển đất nước.

2.2. Định hướng nhiệm vụ phát triển các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

(1). Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại; chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung - cầu nhân lực trong cả nước, khu vực và gắn với thị trường lao động quốc tế, khu vực ASEAN; thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động và tạo thuận lợi trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động; tăng tần suất, nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm tại các địa phương. Thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; triển khai thực hiện chính sách việc làm công, chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; thúc đẩy chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp. Chú trọng tạo việc làm và tăng cường kỹ năng cho người lao động. Hoàn thành việc xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021 - 2030. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm trong nước và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, lao động là người dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, nhất là các thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam. Làm tốt công tác tạo nguồn, nhất là lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài. Quản lý chặt chẽ công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; tăng cường quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc ở nước ngoài, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh. Có giải pháp tập hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ lao động đã đi làm việc ở nước ngoài trở về nước.

(2). Tích cực triển khai thực hiện 02 Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XII (*Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*). Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, quan hệ lao động, tiền lương. Chủ động theo dõi, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động. Triển khai các giải pháp đồng bộ để mở rộng diện bao phủ, phát triển đối tượng tham gia và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; ngăn chặn và giảm tần suất tai nạn lao động chết người trong một số lĩnh vực có nguy cơ cao; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội; các hành vi tiêu

cực, gian lận để hưởng chế độ, trục lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động.

(3). Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Hoàn thành việc xây dựng và triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chú trọng công tác phân luồng, liên thông, các chính sách cho giáo viên, giảng viên và học sinh; chuẩn hoá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; kết nối đồng bộ giữa đào tạo với tạo việc làm trong nước và xuất khẩu lao động. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ quốc gia.

(4). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công; tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm. Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công; từng bước xây dựng ngân hàng dữ liệu gen (ADN) liệt sĩ, thân nhân của liệt sĩ. Hoàn thành xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng giai đoạn 2021 - 2030. Vận hành tốt Cổng thông tin điện tử về liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công”.

(5). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu đề ra trong các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện để người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nghèo, nhất là tại các địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh...). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; trong đó, ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, giảm khoảng cách về thu nhập và đời sống trên từng địa bàn; nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong giảm nghèo ở các địa phương. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo; đề xuất định hướng giảm nghèo bền vững sau năm 2020, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức tự vươn lên thoát nghèo. Tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

(6). Tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Chú trọng công tác chăm sóc, phát huy người

cao tuổi, chăm sóc người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; từng bước hình thành hệ thống cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đối tượng bảo trợ xã hội theo hướng phát hiện sớm, can thiệp, hỗ trợ kịp thời đối tượng cần trợ giúp xã hội; tiếp nhận đối tượng trong trường hợp khẩn cấp, ngắn hạn; hỗ trợ chăm sóc và phục hồi đối tượng tại gia đình, cộng đồng. Hoàn thành xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2021 - 2030. Cải cách hệ thống chi trả chính sách trợ giúp xã hội nhằm bảo đảm chi trả kịp thời, đúng đối tượng và thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công chuyên nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội, huy động nhiều nguồn lực trợ giúp những người thiệt thòi, yếu thế, tạo điều kiện để các đối tượng tự khắc phục khó khăn, vươn lên hoà nhập cộng đồng.

(7). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2015 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc; các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016 – 2020. Đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra bạo lực, bạo hành trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bạo hành trẻ em. Tổ chức tốt Tháng hành động vì trẻ em và Diễn đàn trẻ em các cấp. Hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số, miền núi để từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa các vùng, miền. Nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

(8). Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030; phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử. Tổ chức tốt Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, phân đấu thu hẹp rõ rệt khoảng cách giới; nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực, địa bàn trọng điểm có bất bình đẳng giới hoặc nguy cơ có sự mất bình đẳng giới cao.

(9). Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy; hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm. Đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ điều trị nghiện; hoàn thiện chính sách hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý tại các cơ sở cai nghiện ma túy tập trung; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng; đổi mới công tác quản lý sau cai nghiện; phát triển mạng lưới các cơ sở điều trị thay thế bằng thuốc Methadone và các phương pháp điều trị khác đáp ứng nhu cầu đa dạng về dịch vụ điều trị nghiện cho người nghiện ma túy ở các địa phương; tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng, chống tái nghiện.

Tăng cường quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội; xây dựng, thí điểm các mô hình để từng bước hình thành hệ thống cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm tại cộng đồng trong việc tư vấn tâm lý, pháp lý, sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp xã hội nhằm tạo cơ hội cho người bán dâm hòa nhập cộng đồng bền vững. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

(10). Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tập trung cải cách thể chế, thủ tục hành chính, bộ máy hành chính. Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Rà soát, sắp xếp và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp để hoạt động hiệu quả, từng bước triển khai tự chủ ở một số lĩnh vực có điều kiện. Thực thi đầy đủ, triệt để những cải cách về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã thực hiện trong 2 năm 2018 - 2019. Cải cách dịch vụ hành chính công và thực hiện chi trả, thanh toán các khoản trợ cấp cho đối tượng qua các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

(11). Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, trục lợi chính sách; xử lý dứt điểm, làm chuyển biến rõ nét những vấn đề xã hội còn bức xúc, cử tri và Đại biểu Quốc hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(12). Chủ động, tích cực thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Chương trình đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chương trình hành động của Chính phủ. Phối hợp, tham gia thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, trong đó Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giữ vai trò Phó Chủ tịch Ủy ban và chủ trì Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tại Việt Nam. Triển khai kế hoạch thực hiện các cam kết về lao động trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương theo Kế hoạch của Chính phủ; Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội. Triển khai các thỏa thuận quốc tế đã ký kết và tăng cường vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

(13). Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả; phổ biến, giải thích chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội; thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch năm 2020 theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung của toàn ngành, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng Kế hoạch năm 2020 đúng nội dung hướng dẫn và các biểu mẫu quy định kèm theo công văn này, trình Thứ trưởng phụ trách khối có ý kiến đối với lĩnh vực phụ trách và gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 10/7/2019 để tổng hợp chung trong Kế hoạch của Bộ.

*(Để thuận tiện trong quá trình tổng hợp, ngoài bản chính thức, đơn vị gửi một bản điện tử theo địa chỉ email: **phongkh@molisa.gov.vn**).*

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị phản ánh về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 024.38.269.544/ 024.39.364.160) để được hướng dẫn thêm./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

Doãn Mậu Diệp

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn